

Số: 2807-2024/CBTT-HAH

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
- Mã chứng khoán : HAH
- Địa chỉ : Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.39877515
- Fax : 024.39444022
- Email : info@haiants.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý II năm 2024" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/7/2024 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý II năm 2024

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Ngọc Minh

Số: 26.07 -2024/QHCD-HATS

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 2 NĂM 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: HAH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 05/07/2024.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2024 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2023 như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Quý 2.2024	Quý 2.2023	Chênh lệch
BCTC hợp nhất				
- Doanh thu thuần	đồng	948,785,573,107	611,423,483,517	55.18%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	110,742,309,688	96,519,842,513	14.74%
BCTC công ty mẹ				
- Doanh thu thuần	đồng	350,126,779,911	285,369,148,685	22.69%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	92,368,289,911	109,419,196,866	(15.58)%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD quý 2 năm nay tăng 14.74% (BC hợp nhất) và giảm 15.58% (BC công ty mẹ) so với quý 2 năm trước:

+ Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trên BCTC riêng giảm do giá cho thuê tàu giảm.

+ Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trên BCTC hợp nhất tăng do tăng tàu đưa vào khai thác (HA Alfa, HA Beta); mở thêm tuyến cả chặng nội địa (Nghị Sơn, Chân Mây, Long An...) và quốc tế (Singapore, Malaysia, Ấn Độ...). Giá cước vận tải bình quân kỳ này tăng 6.5% so với cùng kỳ năm trước.

+ Sản lượng vận tải tăng nên sản lượng, doanh thu hoạt động cảng cũng tăng.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Louán

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Hà Nội, tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ II

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,558,342,731,341	1,600,183,520,090
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	368,050,187,033	245,416,444,931
1. Tiền	111		259,050,187,033	122,266,444,931
2. Các khoản tương đương tiền	112		109,000,000,000	123,150,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33,500,000,000	72,500,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	33,500,000,000	72,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		882,120,310,482	1,005,170,941,157
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	318,349,360,680	228,002,690,255
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	275,048,314,381	439,868,851,874
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	48,431,568,000	50,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	242,608,196,411	289,491,066,743
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2,317,128,990)	(2,191,667,715)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		72,933,907,586	97,130,984,832
1. Hàng tồn kho	141	V.8	72,933,907,586	97,130,984,832
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		201,738,326,240	179,965,149,170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	19,752,069,902	15,776,745,747
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		165,426,046,162	125,141,128,560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		16,560,210,176	39,047,274,863
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,367,034,742,268	3,758,765,837,975
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		112,904,900,000	113,018,300,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	112,904,900,000	113,018,300,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3,563,387,832,377	3,117,716,025,658
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	3,352,194,409,659	2,868,563,423,715
<i>Nguyên giá</i>	222		4,835,779,563,159	4,197,228,766,663
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1,483,585,153,500)	(1,328,665,342,948)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	206,730,210,465	245,994,150,746
<i>Nguyên giá</i>	225		443,913,077,302	439,180,122,735
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(237,182,866,837)	(193,185,971,989)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	4,463,212,253	3,158,451,197
<i>Nguyên giá</i>	228		16,213,287,885	14,438,287,885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11,750,075,632)	(11,279,836,688)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22,271,591,865	30,167,374,406
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	22,271,591,865	30,167,374,406
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		161,677,297,043	155,416,142,173
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	141,226,430,543	134,965,275,673
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20,450,866,500	20,450,866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		506,793,120,983	342,447,995,738
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	430,560,761,144	342,447,995,738
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		76,232,359,839	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5,925,377,473,609	5,358,949,358,065

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,570,104,958,643	2,188,203,556,382
I. Nợ ngắn hạn	310		1,025,541,601,790	937,258,799,894
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	211,780,202,031	155,454,367,807
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,785,190,138	976,415,726
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	30,035,879,844	96,947,200,069
4. Phải trả người lao động	314		33,701,722,456	31,759,276,137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	57,527,218,603	18,766,015,749
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	20,490,514,636	4,306,751,216
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	96,168,090,191	108,245,500,331
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	432,862,930,330	394,192,141,723
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2,648,342,710	2,648,342,710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	138,541,510,851	123,962,788,426
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,544,563,356,853	1,250,944,756,488
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		2,001,220,046	711,882,200
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	257,625,260,000	257,625,260,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	1,284,936,876,807	992,607,614,288
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3,355,272,514,966	3,170,745,801,683
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	3,355,272,514,966	3,170,745,801,683
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,055,168,810,000	1,055,168,810,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,055,168,810,000	1,055,168,810,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191,640,648,159	191,640,648,159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		811,454,756,537	663,573,756,537
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		740,420,748,870	750,545,194,154
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		570,436,538,591	750,545,194,154
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		169,984,210,279	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		556,587,551,400	509,817,392,833
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5,925,377,473,609	5,358,949,358,065

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II

(Đơn vị: VND)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	948,785,573,107	611,423,483,517	1,652,886,687,515	1,266,564,990,887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		948,785,573,107	611,423,483,517	1,652,886,687,515	1,266,564,990,887
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	698,894,294,932	464,244,290,822	1,296,751,010,211	926,915,481,864
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		249,891,278,175	147,179,192,695	356,135,677,304	339,649,509,023
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	(1,475,280,870)	7,920,828,256	8,704,155,389	12,640,683,173
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34,876,723,979	18,976,477,707	53,495,197,175	39,815,328,829
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22,733,584,920	19,233,488,489	41,662,081,168	38,711,465,334
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3,024,500,690	768,216,600	6,261,154,870	5,206,980,778
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	43,745,218,731	28,069,073,207	77,942,610,459	58,134,466,503
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		172,818,555,285	108,822,686,637	239,663,179,929	259,547,377,642
12. Thu nhập khác	31	VI.6	276,684,775	1,261,843,333	9,678,308,571	3,651,881,205
13. Chi phí khác	32	VI.7	605,081,862	668,274,981	11,536,770,288	762,889,915
14. Lợi nhuận khác	40		(328,397,087)	593,568,352	(1,858,461,717)	2,888,991,290
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		172,490,158,198	109,416,254,989	237,804,718,212	262,436,368,932
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		45,973,335,081	29,695,850,500	63,955,591,959	56,341,933,753
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		126,516,823,117	79,720,404,489	173,849,126,253	206,094,435,179
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		110,742,309,688	96,519,842,513	169,984,210,279	216,229,741,613
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.23	15,774,513,429	(16,799,438,024)	3,864,915,974	(10,135,306,434)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	865	724	1,306	1,640
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	865	724	1,306	1,640

Người lập biểu



Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào



Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ II

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		237,804,718,212	262,436,368,932
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		205,889,388,396	176,843,068,625
- Các khoản dự phòng	03		125,461,275	91,930,984
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7,701,240,768	2,027,091
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12,004,363,954)	(8,422,359,994)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	41,662,081,168	38,711,465,334
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		481,178,525,865	469,662,500,972
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		64,526,791,966	55,787,012,565
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24,197,077,246	(6,466,590,363)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		132,164,778,180	22,163,253,518
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(92,079,658,883)	(21,768,524,555)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(37,638,058,771)	(47,112,011,870)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(95,521,493,265)	(138,291,076,466)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	270,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20,026,277,575)	(7,343,320,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		456,801,684,763	326,901,243,801
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(661,117,394,720)	(255,310,913,330)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		9,318,421,206	936,683,999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(74,431,568,000)	(41,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	115,000,000,000	61,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,069,553,022	7,488,939,009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(608,160,988,492)	(226,885,290,322)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này / lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	22,593,900,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	558,253,309,585	96,265,448,896
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(241,360,543,025)	(202,408,516,461)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(41,296,097,144)	(44,892,912,331)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(175,805,000)	(9,762,744,200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		275,420,864,416	(138,204,824,096)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		124,061,560,687	(38,188,870,617)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	245,416,444,931	415,481,021,778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1,427,818,585)	309,442,852
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	368,050,187,033	377,601,594,013
			(0)	

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển và các dịch vụ liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua/thoái đầu tư công ty con

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

Kế hoạch nhận chuyển nhượng công ty con

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 0312-2023/BB-HĐQT ngày 06/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 4.638.600 cổ phần, tương đương 51,54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép từ ông Lê Phong Hiếu và bà Đỗ Thị Hải Yến với giá chuyển nhượng là 124.423.676.376 VND. Công ty đã hoàn thiện thủ tục nhận chuyển nhượng vào ngày 31 tháng 03 năm 2024.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đình Vũ Vận tải hàng hóa Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối ven biển và viễn tuyến Đình Vũ, phường Đông dương Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng		51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	Tổ 13, Khu phố Thị vải, Phường Mỹ Xuân, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Phường Cung cấp dịch vụ cảng biển	51,54%		51,54%	

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	60%	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	40,82%	40,82%	68,03%	68,03%

⁽ⁱ⁾ Là Công ty con của Công ty con - Công ty TNHH Cảng Hải An.

⁽ⁱⁱ⁾ Là Công ty con của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng	Vận tải hàng hóa	36,16%	36,16%	36,16%	36,16%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ^(*)	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	18,65%	18,65%	34%	34%

^(*) Là Công ty liên kết của Công ty con - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 615 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 617 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty TNHH Pan Hải An đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính Container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	28,419,514,966	4,717,598,500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	230,630,672,067	117,548,846,431
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	109,000,000,000	123,150,000,000
Cộng	368,050,187,033	245,416,444,931

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (i)	1,494,000,000	32,272,444,755	33,766,444,755	1,494,000,000	32,185,376,357	33,679,376,357
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên (ii)	85,000,000,000	22,459,985,788	107,459,985,788	85,000,000,000	16,285,899,316	101,285,899,316
Cộng	86,494,000,000	54,732,430,543	141,226,430,543	86,494,000,000	48,471,275,673	134,965,275,673

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.553.760	36,16%	1.195.200	36,16%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	8.500.000	34,00%	8.500.000	34,00%

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	33,679,376,357	87,068,398	33,766,444,755
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	101,285,899,316	6,174,086,472	107,459,985,788
Cộng	134,965,275,673	6,261,154,870	141,226,430,543

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên</i>		
Cung cấp dịch vụ cho cty liên kết	11,068,377,605	4,463,584,830
Công ty liên kết cho vay tiền		25,000,000,000
<i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	42,232,046,334	24,857,021,050
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	2,783,566,588	867,310,539

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
	Giá gốc		Giá gốc	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20,450,866,500		20,450,866,500	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức (i)	20,000,000,000		20,000,000,000	
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô (ii)	450,000,000		450,000,000	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000		864,000	
Công ty Cổ phần MHC	2,500		2,500	
Cộng	20,450,866,500	-	20,450,866,500	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức số tiền 20.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201796751 ngày 03 tháng 7 năm 2017 thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô có vốn điều lệ 3.500.000.000 VND, tương đương 350.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn sở hữu 63.000 cổ phần, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty này, không biến động so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>29,517,704,418</i>	<i>25,274,038,701</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	18,751,144,013	16,172,936,363
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	1,148,777,876	987,666,183
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	5,676,153,606	4,762,625,398
Công ty CP vận tải biển An Biên	3,941,628,923	3,350,810,757
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>288,831,656,262</i>	<i>202,728,651,554</i>
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	44,700,659,393	13,756,978,179
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	13,052,678,827	19,847,863,706
APL Logistics Ltd	7,321,935,992	3,901,517,783
Các khách hàng khác	223,756,382,050	165,222,291,886
Cộng	318,349,360,680	228,002,690,255

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>275,048,314,381</i>	<i>439,868,851,874</i>
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd. (*)	255,722,432,000	434,925,760,600
Các nhà cung cấp khác	19,325,882,381	4,943,091,274
Cộng	275,048,314,381	439,868,851,874

(*) Tạm ứng theo giai đoạn cho 03 hợp đồng đóng mới 03 tàu container tải trọng 1.800 TEU. Cuối năm 2023 đã nhận bàn giao tàu Hải An Alfa. Tháng 05 năm 2024, Công ty đã nhận bàn giao tàu Hải An Beta, dự kiến 01 tàu còn lại được bàn giao vào tháng 07 năm 2024.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Cho vay Ông Lê Phong Hiếu để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay đầu tiên phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2020. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số CC481398. Theo cam kết trả nợ mới nhất ngày 12/07/2024, khoản cho vay được sẽ được hoàn trả muợn nhất trước ngày 30/12/2024, đồng thời số tiền lãi của gốc vay được gia hạn tính theo lãi suất thỏa thuận, không tính lãi phạt và tiền lãi phát sinh trên số tiền lãi lũy kế đến kỳ hạn.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>48,431,568,000</i>	<i>50,000,000,000</i>
Ông Lê Phong Hiếu	48,000,000,000	50,000,000,000
Cho các tổ chức khác	431,568,000	
Cộng	48,431,568,000	50,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Phải thu các bên liên quan	112,673,494,878	72,494,669,837
Phải thu về kết quả hoạt động BCC	112,303,675,732	72,118,465,222
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên - Kết quả hoạt động BCC	112,303,675,732	72,118,465,222
Các khoản chi hộ	369,819,146	376,204,615
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	129,934,701,533	216,996,396,906
Tạm ứng	6,235,679,572	4,592,598,778
Lãi tiền gửi dự thu	96,539,752	141,147,946
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	180,000,000
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (i)	-	124,423,676,376
Seacube Containers - Đặt cọc	3,466,428,804	3,305,413,440
Ký cược, ký quỹ	505,629,000	310,990,000
Tạm tính doanh thu	32,053,442,171	6,814,173,715
Chi phí tổn thất sự cố tàu Hai An City chờ bồi thường (ii)	83,605,090,205	73,925,261,495
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3,971,892,029	3,303,135,156
Cộng	242,608,196,411	289,491,066,743

- (i) Là khoản đặt cọc cho các cá nhân theo Hợp đồng đặt cọc ngày 06/12/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14/4/2019 và cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN 981472 ngày 29/5/2020. Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCNCNP ký ngày 31/03/2024 giữa Ông Lê Phong Hiếu và Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An, khoản đặt cọc này đã được chuyển thành cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ cảng Lưu Nguyễn Cái Mép.

- (ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City như sau:

	Số tiền
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212
Bảo hiểm tạm ứng tiền bồi thường	(76.008.302.717)
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)
Chi phí phân chia GA trả cho MCO	9.679.828.710
Số còn lại chờ bồi thường	83.605.090.205

Theo Công văn số 817/PVIBH-GQKN ngày 27/6/2023 của Tổng Công ty Bảo hiểm PVI về việc thông báo giải quyết khiếu nại vụ tổn thất hư hỏng sự cố tàu Hai An City va chạm với tàu Orion Express tại cảng Chitagong-Bangladesh, Thủ chấp nhận bồi thường và chuyển quyền khiếu nại ngày 28/6/2023, Công ty sẽ nhận khoản tiền tạm ứng bồi thường lần 2 là 2.529.005,30 USD và chuyển quyền khiếu nại hoặc quyền khởi kiện bên thứ 3 để yêu cầu bồi hoàn số tiền bồi thường từ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảo hiểm PVI trên danh nghĩa của Bảo hiểm PVI và với chi phí do Bảo hiểm PVI chịu. Ngày 19/7/2023, Công ty đã nhận được số tiền 2.529.005,30 USD, tương đương 59.897.535.163 VND.

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	112,820,400,000	-	112,820,400,000	-
Công ty CP vận tải biển An Biên - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (*)	112,820,400,000	-	112,820,400,000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	84,500,000	-	197,900,000	-
Ký cược, ký quỹ	84,500,000	-	197,900,000	-
Cộng	112,904,900,000		113,018,300,000	

(*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (“Bên kiểm soát”) về tiền vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn là 44%, thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Các bên liên quan				
Các tổ chức và cá nhân khác	2,465,180,630	(2,317,128,990)	2,339,719,355	(2,191,667,715)
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	65,089,486	(65,089,486)	65,089,486	(65,089,486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	99,744,126	(99,744,126)	99,744,126	(99,744,126)
Navigator Marine Corp	2,001,143,738	(2,001,143,738)	1,875,682,463	(1,875,682,463)
CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI & XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HUY	296,103,280	(148,051,640)	296,103,280	(148,051,640)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3,100,000	(3,100,000)	3,100,000	(3,100,000)
Cộng	2,465,180,630	(2,317,128,990)	2,339,719,355	(2,191,667,715)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2,191,667,715	1,988,327,236
Trích lập dự phòng bổ sung		203,340,479
Hoàn nhập dự phòng		
Giảm khác	125,461,275	
Số cuối năm	2,317,128,990	2,191,667,715

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là nhiên liệu – dầu tồn trên các tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	4,766,245,236	5,030,047,836
Chi phí đầu nhòn	11,746,796,077	6,418,121,989
Công cụ dụng cụ	607,502,450	756,961,103
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2,631,526,139	3,571,614,819
Cộng	19,752,069,902	15,776,745,747

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lên đà tàu	130,612,536,042	124,355,836,026
Công cụ dụng cụ	7,540,970,702	843,519,929
Tiền thuê đất (*)	197,502,473,520	200,337,437,256
Chi phí sửa chữa tài sản	86,814,136	15,363,167,884
Chi phí trả trước dài hạn khác	94,817,966,744	1,548,034,643
Cộng	430,560,761,144	342,447,995,738

- (*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m² trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ”) theo Hợp đồng số 05.HĐTD/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư với tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại từ việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép được xác định theo bảng sau:

Tài sản	89,616,375,044
Tiền và các khoản tương đương tiền	628,186,654
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6,383,000,000
Phải thu ngắn hạn khác	1,570,000,000
Chi phí trả trước ngắn hạn	6,136,364
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12,442,114
Tài sản cố định	81,000,000,000
Chi phí trả trước dài hạn	16,609,912
Nợ phải trả	7,440,000
Phải trả người bán ngắn hạn	7,440,000
LNST chưa phân phối kỳ này	(114,052,129)
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	89,722,987,173
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (48.46%)	43,479,759,584
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	46,243,227,589
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	124,423,676,376
Lợi thế thương mại/(Lãi từ giao dịch mua rẻ) [(b) – (a)]	78,180,448,787
Chi phí lợi thế thương mại đã phân bổ trong kỳ	1,948,088,948
Giá trị còn lại	76,232,359,839

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	536,053,228,057	364,988,076,318	3,247,044,653,608	8,778,254,144	40,364,554,536	4,197,228,766,663
Mua trong kỳ, đầu tư XDCB hoàn thành	-	8,000,000,000	666,701,519,997	-	-	674,701,519,997
Cộng dư đầu cty con	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6,861,398,602)	-	(20,843,870,354)	(36,150,723,501)
Giảm khác	-	(8,445,454,545)	-	-	-	-
Số cuối kỳ	536,053,228,057	364,542,621,773	3,906,884,775,003	8,778,254,144	19,520,684,182	4,835,779,563,159
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	219,604,191,161	305,078,749,290	774,348,567,365	5,098,572,358	24,535,262,774	1,328,665,342,948
Khấu hao trong năm	15,653,306,676	12,452,114,744	143,479,975,913	744,550,968	124,131,499	172,454,079,800
Cộng dư đầu cty con	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(896,515,144)	(2,041,441,638)	-	(14,596,312,466)	(17,534,269,248)
Số cuối kỳ	235,257,497,837	316,634,348,890	915,787,101,640	5,843,123,326	10,063,081,807	1,483,585,153,500
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	316,449,036,896	59,909,327,028	2,472,696,086,243	3,679,681,786	15,829,291,762	2,868,563,423,715
Số cuối kỳ	300,795,730,220	47,908,272,883	2,991,097,673,363	2,935,130,818	9,457,602,375	3,352,194,409,659

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.234.730.884.243 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định thuê tài chính

Là container thuê tài chính

	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	439,180,122,735	439,180,122,735
Thuê tài chính trong năm	4,732,954,567	4,732,954,567
Số cuối năm	443,913,077,302	443,913,077,302
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	193,185,971,989	193,185,971,989
Khấu hao trong năm	43,996,894,848	43,996,894,848
Số cuối năm	237,182,866,837	237,182,866,837
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	245,994,150,746	245,994,150,746
Số cuối năm	206,730,210,465	206,730,210,465

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	9,493,272,649	14,438,287,885
Mua trong kỳ		1,775,000,000	1,775,000,000
Cộng dư đầu cty con			
Số cuối kỳ	4,945,015,236	11,268,272,649	16,213,287,885
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,815,362,621	8,464,474,067	11,279,836,688
Cộng dư đầu cty con			
Khấu hao trong năm	250,643,130	219,595,814	470,238,944
Số cuối kỳ	3,066,005,751	8,684,069,881	11,750,075,632
Cộng dư đầu cty con			
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,129,652,615	1,028,798,582	3,158,451,197
Số cuối kỳ	1,879,009,485	2,584,202,768	4,463,212,253

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	11,315,650,857	665,572,655,095	(670,434,353,685)	(144,431,214)	6,309,521,053
Xây dựng cơ bản dở dang	183,047,138	-	-	(90,454,545)	92,592,593
Sửa chữa lớn tài sản cố định	18,668,676,411	37,450,432,942	(23,997,648,203)	(16,251,982,931)	15,869,478,219
Cộng	30,167,374,406	703,023,088,037	(694,432,001,888)	(16,486,868,690)	22,271,591,865

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	18,413,811,395	15,312,525,833
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	313,609,200	309,874,372
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	551,805,406	440,656,243
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	6,480,984,885	5,972,154,780
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	8,547,120	23,337,720
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	9,129,254,466	6,655,779,700
Công ty Cổ phần đầu tư Sao Á D.C	1,929,610,318	1,910,723,018
Phải trả các nhà cung cấp khác	193,366,390,636	140,141,841,974
PT INDOFUELS LIMITED	30,983,366,125	18,714,105,314
Baseblue (Asia) Limited	21,736,719,739	29,041,629,301
Các nhà cung cấp khác	140,646,304,772	92,386,107,359
Cộng	211,780,202,031	155,454,367,807

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối kỳ			
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3,077,369,321	2,439,298	20,793,402,019	(18,344,930,380)	5,523,401,662	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	53,727,393,838	(53,727,393,838)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	365,697,679	(365,697,679)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	81,520,064,286	39,044,620,948	57,929,723,544	(93,558,820,817)	21,443,883,795	16,560,210,176
Thuế thu nhập cá nhân	3,249,711,288	214,617	8,118,805,471	(8,300,832,568)	3,067,469,574	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	-	2,113,470,323	(2,113,470,323)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	376,268,000	(376,268,000)	-	-
Thuế môn bài	-	-	20,000,000	(20,000,000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9,100,055,174	-	5,777,817,326	(14,876,747,687)	1,124,813	-
Cộng	96,947,200,069	39,047,274,863	149,222,578,202	(191,684,161,292)	30,035,879,844	16,560,210,176

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
- Cung cấp nước ngọt	5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	8-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Hoạt động khai thác cảng của Công ty TNHH Pan Hải An

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 04 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế tính từ năm thứ tư (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Các hoạt động khác

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	63,955,591,959	56,341,933,753
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(15,860,369,005)	(8,652,711,477)
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	9,834,500,590	15,764,504,580
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	57,929,723,544	63,453,726,856

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>57,527,218,603</i>	<i>18,766,015,749</i>
Chi phí khai thác tàu	14,602,800,106	8,887,214,032
Chi phí lãi vay phải trả	16,878,514,248	6,822,761,054
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	26,045,904,249	3,056,040,663
Cộng	57,527,218,603	18,766,015,749

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>54,171,590,906</i>	<i>76,170,255,187</i>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	31,592,941,763	26,622,682,295
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh	7,193,384,482	35,216,065,701
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh	13,893,876,354	11,492,203,539
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên-lãi hợp tác kinh doanh	271,731,239	
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C-lãi hợp tác kinh doanh	679,657,068	2,299,303,652
Thù lao HĐQT, BKS	540,000,000	540,000,000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>41,996,499,285</i>	<i>32,075,245,144</i>
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	24,578,261,378	20,948,484,834
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11,924,146,000	8,926,308,000
Kinh phí công đoàn	618,876,056	672,530,830
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	159,179,478	10,554,198
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	60,885,600	76,845,600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4,655,150,773	1,440,521,682
Cộng	96,168,090,191	108,245,500,331

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	187,625,260,000	187,625,260,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - phải trả về góp vốn BCC	82,200,000,000	82,200,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - phải trả về góp vốn BCC	77,100,000,000	77,100,000,000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - phải trả về góp vốn BCC	28,325,260,000	28,325,260,000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	70,000,000,000	70,000,000,000
Công ty Cổ phần đầu tư Sao Á D.C	50,000,000,000	50,000,000,000
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	20,000,000,000	20,000,000,000
Cộng	257,625,260,000	257,625,260,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Là khoản phải trả các bên liên quan về vốn góp theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) số 48-HĐHTKD ngày 18/04/2017, số 66/HĐHTKD ký ngày 08/05/2019, số 68/HĐHTKD ký ngày 29/06/2020, số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021, số 02-2021/HKHTKD ký ngày 02/02/2021 và số 03-2021/HĐHTKD ký ngày 25/11/2021 và số 01-2023/HĐHTKD ký ngày 23/10/2023. Theo các hợp đồng này, Tập đoàn là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác của hợp đồng ký mới từ năm 2021 là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng, hợp đồng ký trước năm 2021 là 5 năm kể từ ngày các bên ký hợp đồng.

Chi tiết số vốn góp theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND													
Hợp đồng	Tập đoàn góp vào BCC		Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		Cộng
	Số tiền (Triệu VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (Triệu VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (Triệu VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (Triệu VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (Triệu VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (Triệu VND)	Tỷ lệ (%)	
Hợp đồng BCC số 66-2019 (tàu Hải An Mind)	50.000	66,67%	5.000	6,67%	10.000	13,33%	10.000	13,33%	-	-	-	-	75.000
Hợp đồng BCC số 68-2020 (tàu Hải An View)	70.000	70,00%	5.000	5,00%	10.000	10,00%	15.000	15,00%	-	-	-	-	100.000
Hợp đồng BCC số 02-2021 (tàu Hải An West)	99.000	90,00%	-	-	11.000	10,00%	-	0,00%	-	-	-	-	110.000
Hợp đồng BCC số 03-2021 (tàu Hải An City)	157.000	64,88%	-	-	10.000	4,13%	5.000	2,07%	20.000	8,26%	50.000	20,66%	242.000
Hợp đồng BCC số 02-2022 (tàu Hải An Rose)	384.260	84,27%	8.440	1,85%	21.100	4,63%	42.200	9,25%	-	-	-	-	456.000
Hợp đồng BCC số 01-2023 (tàu Hải An Alfa)	317.631	96,98%	9.885	3,02%	-	-	-	-	-	-	-	-	327.516
Hợp đồng BCC số 48 (tàu Hải An Bell)	65.000	81,25%	-	-	10.000	12,50%	5.000	6,25%	-	-	-	-	80.000
Hợp đồng BCC số 0101-2021 (tàu Hải An East)	90.000	90,00%	-	-	5.000	5,00%	5.000	5,00%	-	-	-	-	100.000
	1.232.891		28.325		77.100		82.200		20.000		50.000		1.490.516

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	432,862,930,330	394,192,141,723
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	50,533,637,769	70,380,344,181
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	50,533,637,769	59,741,828,002
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	-	10,638,516,179
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)</i>	286,717,819,917	230,618,191,102
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	231,537,137,148	210,787,031,102
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	7,547,370,000	10,063,160,000
Pantos Holding Incorporation	10,189,200,000	9,768,000,000
Zim Intergrated Shipping Services Ltd	37,444,112,769	-
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)</i>	95,611,472,644	93,193,606,440
Cai International, INC	44,616,214,230	45,081,859,680
Seaco Global Limited	14,588,005,005	14,023,282,680
Seacube Containers	14,669,359,399	13,192,074,720
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	21,737,894,010	20,896,389,360
Cộng	432,862,930,330	394,192,141,723

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 20 tháng 04 năm 2022 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động, bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại, chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức tiện ích theo thỏa thuận này là 12 tháng kể từ ngày của thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn với thời hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	70,380,344,181	63,903,991,382	-	-	(83,750,697,794)	50,533,637,769
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	59,741,828,002	63,903,991,382			(73,112,181,615)	50,533,637,769
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	10,638,516,179				(10,638,516,179)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	230,618,191,102	-	165,306,008,815	573,200,000	(109,779,580,000)	286,717,819,917
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	169,155,031,102		94,762,106,046		(74,012,000,000)	189,905,137,148
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10,063,160,000		2,515,790,000		(5,031,580,000)	7,547,370,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	15,552,000,000		7,776,000,000		(7,776,000,000)	15,552,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	26,080,000,000		13,040,000,000		(13,040,000,000)	26,080,000,000
Pantos Holding Incorporation	9,768,000,000		9,768,000,000	573,200,000	(9,920,000,000)	10,189,200,000
Zim Intergrated Shipping Services Ltd	-		37,444,112,769	-	-	37,444,112,769
Nợ thuê tài chính	93,193,606,440	-	47,558,211,244	2,689,920,191	(47,830,265,231)	95,611,472,644
Cai International, INC	45,081,859,680		21,354,018,360	1,300,263,142	(23,119,926,952)	44,616,214,230
Seaco Global Limited	14,023,282,680		7,378,246,035	410,219,189	(7,223,742,899)	14,588,005,005
Seacube Containers Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	13,192,074,720		7,886,947,519	382,022,748	(6,791,685,588)	14,669,359,399
	20,896,389,360		10,938,999,330	597,415,112	(10,694,909,792)	21,737,894,010
Cộng	394,192,141,723	63,903,991,382	212,864,220,059	3,263,120,191	(241,360,543,025)	432,862,930,330

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	794,455,210,141	992,607,614,288
Vay dài hạn ngân hàng	657,269,576,430	775,363,472,476
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	654,753,796,430	770,331,902,476
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	2,515,780,000	5,031,570,000
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	45,348,212,365
Pantos Holding Incorporation	-	9,768,000,000
Zim Intergrated Shipping Services Ltd	-	35,580,212,365
Nợ thuê tài chính	137,185,633,711	171,895,929,447
Cai International, INC	58,621,626,252	76,342,463,340
Seaco Global Limited	19,303,666,110	25,479,019,698
Seacube Containers	19,454,404,625	21,579,996,247

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	39,805,936,724	48,494,450,162
<i>Trái phiếu chuyển đổi dài hạn</i>	490,481,666,666	-
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	80,000,000,000	
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	113,000,000,000	
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	167,000,000,000	
Vietnam Growth Investment Fund L.P	140,000,000,000	
Chi phí phát hành trái phiếu	(9,518,333,334)	
Cộng	1,284,936,876,807	992,607,614,288

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

<i>Hợp đồng vay</i>	<i>Mục đích vay/Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Hợp đồng 02.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/11/2019	đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 12.663.000.000 VND	60 tháng	2 xe nâng Kalmar
Hợp đồng 01.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09/4/2021	mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An West
Hợp đồng 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021	đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 9.604.886.250 VND	60 tháng	2 xe nâng Kalmar
Hợp đồng 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022	đầu tư dự án tàu container Marine Bía (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An City
Hợp đồng 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08/11/2022	đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Rose
Hợp đồng 01.2021/HĐCV/VCB-HACT ngày ngày 05/3/2021	đầu tư dự án tàu container Max King (Hải An East), số tiền 73.880.400.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An East
Hợp đồng 01.2023/HĐCV/VCB-XDHA ngày 12/12/2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng	Tàu Hải An Alfa
Hợp đồng 01/2018/VCB- PANHAIAN ngày 12/9/2018	đầu tư thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An, số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng	120 tháng	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải)
Hợp đồng 01.2021/HĐCV/VCB -PANHAIAN ngày 14/7/2021	tài trợ chi phí đầu tư phương tiện, thiết bị nâng cao năng lực khai thác kho; số tiền vay tối đa là 13.404.000.000 VND	60 tháng	Tài sản, thiết bị thuộc dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất, quyền khai thác kho

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
			bãi hình thành từ dự án, máy móc thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải)
	Thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu.		
	Các khoản vay có lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần.		
(ii)	Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính theo Hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.		
(iii)	Khoản vay Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay (ngày 26/03/2020) và có thể trả nợ gốc một lần hoặc nhiều lần. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.		
(iv)	Khoản vay Zim Intergrated Shipping Services Ltd theo Khế ước số ngày 25/8/2023 với số tiền 1.470.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 02 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay (ngày 19/09/2023) và có thể trả nợ gốc một lần hoặc nhiều lần. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.		

(v) Thuê tài chính theo các hợp đồng sau:

<u>Hợp đồng</u>	<u>Tài sản thuê</u>	<u>Giá thuê</u>
Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC		
HCT-002 ngày 01/11/2019	300 container 40HC	1,99 USD/cont/ngày
HCT-003 ngày 14/04/2021	300 container 40HC	4,19 USD/cont/ngày
HCT-004 ngày 18/01/2022	200 container 20 Dry Standard và 300 container 40 Dry High Cube	2,4 USD/cont/ngày và 4,07 USD/cont/ngày
Công ty CAI International, Inc		
HAIN-550 ngày 12/05/2021	300 container 20DC và 200 container 40HC	2,33 USD/cont/ngày và 3,95 USD/cont/ngày
Công ty Seaco Global Limited		
182972 ngày 01/01/2021	300 container 20 Box Standard và 200 container 40HC	2,45 USD/cont/ngày và 4,17 USD/cont/ngày
Công ty Seacube Containers LLC		
Thỏa thuận ngày 12/11/2020 và phụ lục số HATS001 ngày 16/04/2021	300 container 20DC và 300 container 40HC	1,81 USD/cont/ngày và 3,11 USD/cont/ngày
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		
HĐMTTTC/SAOAD.C-HACT ngày 01/04/2022	400 container 40HC (BW4) và 200 container 20 Box Standard (BX2)	4,52 USD/cont/ngày và 2,65 USD/cont/ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các hợp đồng đều có thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	CLTG cuối kỳ	Số cuối kỳ
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>775,363,472,476</i>	-	-	-	<i>(118,093,896,046)</i>	-	<i>657,269,576,430</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	770,331,902,476	-	-	-	(115,578,106,046)	-	654,753,796,430
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	5,031,570,000	-	-	-	(2,515,790,000)	-	2,515,780,000
<i>Vay dài hạn các tổ chức khác</i>	<i>45,348,212,365</i>	-	<i>1,863,900,404</i>	-	<i>(47,212,112,769)</i>	-	-
Pantos Holding Incorporation	9,768,000,000	-	-	-	(9,768,000,000)	-	-
Zim Intergrated Shipping Services Ltd	35,580,212,365	-	1,863,900,404	-	(37,444,112,769)	-	-
<i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>171,895,929,447</i>	<i>4,732,954,567</i>	-	-	<i>(47,558,211,244)</i>	<i>8,114,960,941</i>	<i>137,185,633,711</i>
Cai International, INC	76,342,463,340	-	-	-	(21,354,018,360)	3,633,181,272	58,621,626,252
Seaco Global Limited	25,479,019,698	-	-	-	(7,378,246,035)	1,202,892,447	19,303,666,110
Seacube Containers	21,579,996,247	4,732,954,567	-	-	(7,886,947,519)	1,028,401,330	19,454,404,625
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	48,494,450,162	-	-	-	(10,938,999,330)	2,250,485,892	39,805,936,724
<i>Trái phiếu chuyển đổi dài hạn</i>	-	<i>489,616,363,636</i>	-	-	-	<i>865,303,030</i>	<i>490,481,666,666</i>
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	-	80,000,000,000	-	-	-	-	80,000,000,000
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	-	113,000,000,000	-	-	-	-	113,000,000,000
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	-	167,000,000,000	-	-	-	-	167,000,000,000
Vietnam Growth Investment Fund L.P	-	140,000,000,000	-	-	-	-	140,000,000,000
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(10,383,636,364)	-	-	-	865,303,030	(9,518,333,334)
Cộng	992,607,614,288	494,349,318,203	1,863,900,404	-	(212,864,220,059)	8,980,263,971	1,284,936,876,807

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng phúc lợi	89,596,543,992	19,717,000,000	(17,261,077,575)	92,052,466,417
Quỹ Hội đồng quản trị	34,366,244,434	14,788,000,000	(2,665,200,000)	46,489,044,434
Cộng	<u>123,962,788,426</u>	<u>34,505,000,000</u>	<u>(19,926,277,575)</u>	<u>138,541,510,851</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	703,446,670,000	191,640,648,159	-	390,548,782,590	1,025,370,124,082	575,914,480,623	2,886,920,705,454
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Tăng giảm khác	-	-	-	3,285,646,460	21,813,830,758	(25,099,477,218)	-
Phân loại lại	-	-	-	306,139,500	(306,139,500)	-	-
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	216,229,741,613	(10,135,306,434)	206,094,435,179
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	22,593,900,000	22,593,900,000
Trích lập các quỹ	-	-	-	208,820,200,000	(256,775,522,882)	(541,677,118)	(48,497,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9,095,907,000)	(9,095,907,000)
Số dư cuối năm trước	703,446,670,000	191,640,648,159	-	602,960,768,550	1,006,332,034,071	553,636,012,853	3,058,016,133,633
Số dư đầu năm nay	1,055,168,810,000	191,640,648,159	-	663,573,756,537	750,545,194,154	509,817,392,833	3,170,745,801,683
Tăng vốn bằng tiền	-	-	-	-	-	43,614,000,000	43,614,000,000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Tăng giảm khác	-	-	-	-	1,921,853,846	(353,669,007)	1,568,184,839
Tăng/giảm khác do tính lại tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	355,490,591	-	355,490,591
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	169,984,210,279	3,864,915,974	173,849,126,253
Trích lập các quỹ	-	-	-	147,881,000,000	(182,386,000,000)	(59,181,400)	(34,564,181,400)
Cổ tức, lợi nhuận chi trả trong kỳ	-	-	-	-	-	(295,907,000)	(295,907,000)
Số dư cuối kỳ	1,055,168,810,000	191,640,648,159	-	811,454,756,537	740,420,748,870	556,587,551,400	3,355,272,514,966



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của chủ sở hữu	1,055,168,810,000	1,055,168,810,000
Thặng dư vốn cổ phần	191,640,648,159	191,640,648,159
Cộng	1,246,809,458,159	1,246,809,458,159

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105,516,881	105,516,881
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	105,516,881	105,516,881
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	105,516,881	105,516,881

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Thông tin khác

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua chủ trương phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2023 có tổng mệnh giá tối đa 500 tỷ VND, tài sản bảo đảm là tài sản được hình thành trong tương lai thông qua việc huy động trái phiếu chuyển đổi. Thời gian phát hành dự kiến trong năm 2023 hoặc năm 2024. Mục đích phát hành dự kiến để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngày 28/09/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0709-2023/NQ-HĐQT thông qua việc triển khai chỉ tiết phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2023 để đầu tư đóng tàu mới số hiệu HCY-266 phục vụ hoạt động kinh doanh, số lượng dự kiến phát hành 500 trái phiếu kỳ hạn 05 năm, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, lãi suất cố định trong suốt kỳ hạn của trái phiếu là 6%/năm, tài sản đảm bảo là tàu Hải An Bell thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (Công ty con).

Ngày 28/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0612-2023/NQ-HĐQT thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ với ngày phát hành dự kiến là 29/12/2023, giá chuyển đổi là 27.300 VND/Cổ phần và thông qua danh sách 4 nhà đầu tư dự kiến tham gia đợt phát hành này.

Ngày 02/02/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0202-2024/NQ-HĐQT thông qua kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2023. Theo đó, Công ty đã hoàn thành phân phối tổng số 500 trái phiếu cho 4 nhà đầu tư và đã thu được 500 tỷ VND từ việc phát hành này.

Ngày 05 tháng 07 năm 2024, Công ty đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 17 do tăng vốn điều lệ từ 1.055.168.810.000 đồng thành 1.213.430.910.000 đồng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế 2023.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này.

22e. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 0204-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 như sau:

	VND
· Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu từ nguồn LNST (15%) (*)	158,275,321,500
· Trích quỹ đầu tư phát triển (30% Lợi nhuận sau thuế)	147,881,000,000
· Trích quỹ Hội đồng quản trị (3% Lợi nhuận sau thuế)	14,788,000,000
· Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (4% Lợi nhuận sau thuế)	19,717,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua quyết định trả cổ tức năm 2023 là 15% cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện quyền là 100:15. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức là 15.827.532 cổ phiếu.

Ngày 06 tháng 05 năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0205-2024/NQ-HDQT thông qua việc tiến hành các thủ tục để thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023. Theo thông báo số 1136/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 06 năm 2024, ngày giao dịch không hưởng quyền là 21 tháng 06 năm 2024, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 24 tháng 06 năm 2024.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	5,868,464.31	2,008,339.44
Euro (EUR)	253.45	258.61

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	998,916,478,557	663,124,935,045
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	135,876,469,442	75,619,282,104
Doanh thu hoạt động khác	129,146,264,762	117,152,965,335
Loại trừ nội bộ	(315,153,639,654)	(244,473,698,967)
Cộng	948,785,573,107	611,423,483,517

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	2,504,475,450	3,771,865,393
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	12,518,447,469	15,704,123,933
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	13,919,259	820,000

2. Giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động tàu	843,835,069,655	582,744,306,248
Giá vốn của hoạt động cảng	69,340,518,670	41,222,599,254
Giá vốn dịch vụ khác	100,581,847,340	83,385,158,807
Loại trừ nội bộ	(314,863,140,733)	(243,107,773,487)
Cộng	698,894,294,932	464,244,290,822

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	894,910,673	3,036,922,399
Lãi tiền cho vay	16,068,518	2,183,287,672
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	596,636,242	2,788,674,898
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(2,982,896,303)	(88,056,713)
Cộng	(1,475,280,870)	7,920,828,256

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	22,733,584,920	19,233,488,489
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3,562,438,053	303,164,239
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4,790,345,643	(560,175,021)
Cộng	34,876,723,979	18,976,477,707

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	28,933,916,418	18,760,020,381
Chi phí vật liệu quản lý	297,511,777	483,559,524
Chi phí đồ dùng văn phòng	658,754,552	730,235,715
Chi phí khấu hao tài sản cố định	705,494,337	655,429,964
Thuê, phí và lệ phí	67,628,995	41,534,013
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	177,650,114	91,930,984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,635,447,877	3,172,258,826
Các chi phí khác	9,268,814,661	4,134,103,800
Cộng	43,745,218,731	28,069,073,207

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	341,657,410	860,620,724
Tiền bồi thường	18,549,449	
Thu nhập khác	(83,522,084)	401,222,609
Cộng	276,684,775	1,261,843,333

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	429,106,031	71,916,320
Tiền bồi thường	540,001	
Chi phí khác	175,435,830	596,358,661
Cộng	605,081,862	668,274,981

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	169,984,210,279	216,229,741,613
Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT (i)	(11,533,762,429)	(17,252,500,000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	158,450,447,850	198,977,241,613
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	121,343,091	121,343,091
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,306	1,640

- (i) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 4% và 3% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ và mức trích quỹ tại các Công ty con. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm 2023.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	105,516,881	70,344,667
Ảnh hưởng của trả 35.172.333 cổ tức bằng cổ phiếu ngày 8/8/2023	-	35,172,214
Ảnh hưởng của trả 15.826.210 cổ tức bằng cổ phiếu ngày 26/04/2024	15,826,210	15,826,210
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	121,343,091	121,343,091

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	526,635,523,377	328,423,498,865
Chi phí nhân công	164,510,811,384	122,269,090,465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205,889,388,396	176,843,068,625
Chi phí thuê đất	2,839,963,736	2,834,963,736

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	356,153,325,352	215,750,633,091
Chi phí khác	118,664,608,425	138,928,693,585
Cộng	1,374,693,620,670	985,049,948,367

(*) Chi tiết khấu hao tài sản cố định như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao TSCĐ do Công ty quản lý và sử dụng	216,921,213,592	186,155,548,985
Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị	(63,231,655,928)	(48,190,870,946)
Chi phí khấu hao hoạt động BCC nhận phân bổ	52,199,830,732	38,878,390,586
Cộng	205,889,388,396	176,843,068,625

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.19a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Năm nay		Năm trước	
Tiền lương, phụ cấp	6,541,366,670		5,894,741,335	
Cộng	6,541,366,670		5,894,741,335	
	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Vũ Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT	886,380,000	847,329,966	60,000,000	1,793,709,966
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	687,660,000	717,246,591	60,000,000	1,464,906,591
Ông Phạm Quang Khánh – Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	478,800,000	425,678,844	60,000,000	964,478,844
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	462,900,000	364,555,935		827,455,935
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	357,780,000	280,535,334		638,315,334
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT		50,000,000		50,000,000
Ông Trần Tiến Dũng - Thành viên HĐQT		50,000,000	60,000,000	110,000,000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT		90,000,000	60,000,000	150,000,000
Ông Nguyễn Đức Kiên - Thành viên HĐQT		50,000,000	60,000,000	110,000,000
Ông Nguyễn Văn Trúc - Thành viên HĐQT		50,000,000	60,000,000	110,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT		51,000,000		51,000,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	30,000,000	78,500,000	30,000,000	138,500,000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát		37,000,000	30,000,000	67,000,000
Ông Bùi Việt Phương - Thành viên Ban kiểm soát		18,000,000	30,000,000	48,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát		18,000,000		18,000,000
	2,903,520,000	3,127,846,670	510,000,000	6,541,366,670
	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	503,693,846	918,369,017	60,000,000	1,482,062,863
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	316,630,000	609,487,406	60,000,000	986,117,406
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	290,761,800	717,240,460	60,000,000	1,068,002,260
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc		90,000,000	60,000,000	150,000,000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT		90,000,000	60,000,000	150,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	161,670,000	198,105,000	60,000,000	419,775,000
Ông Phạm Quang Khánh - Phó Tổng	242,573,400	309,805,709		552,379,109

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giám đốc

Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	230,220,000	276,270,609	506,490,609	
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc				
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát		55,000,000	30,000,000	85,000,000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát		36,000,000	30,000,000	66,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát		36,000,000	30,000,000	66,000,000
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	148,460,000	214,454,088	362,914,088	
	1,894,009,046	3,550,732,289	450,000,000	5,894,741,335

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistics (Việt Nam)	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần đầu tư Con Cưng	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần quản lý và khai thác kho lạnh DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Chi phí thuê văn phòng	1,293,083,415	2,041,526,534
Chia lợi nhuận BCC	7,193,384,482	22,768,492,839
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi trả cổ tức, lợi nhuận		4,527,060,000
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	5,633,982,526	15,871,994,800
Sử dụng dịch vụ đại lý	17,848,345,334	13,810,688,888
<i>Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh</i>		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	65,454,552	68,181,819
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	17,577,967,423	16,540,719,303

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.15, V.19

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Loại trừ nội bộ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1,719,320,021,666	244,470,087,968	242,224,176,656	(553,127,598,775)	1,652,886,687,515
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,719,320,021,666	244,470,087,968	242,224,176,656	(553,127,598,775)	1,652,886,687,515
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	194,363,198,250	110,031,892,405	52,348,305,458	(607,718,809)	356,135,677,304
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(77,942,610,459)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					278,193,066,845

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí khác				(762,889,915)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(56,341,933,753)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				206,094,435,179
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	60,548,046,713	45,952,629,132	5,819,166,970	112,319,842,815
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	141,599,033,964	12,125,443,614	16,002,465,877	169,726,943,455

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác dầu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5,154,125,101,460	319,367,496,942	722,391,660,391	6,195,884,258,793
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				270,506,785,184
Tổng tài sản				5,925,377,473,609
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1,969,142,719,477	87,839,937,471	370,518,249,266	2,427,500,906,214
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				142,604,052,429
Tổng nợ phải trả				2,570,104,958,643
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3,780,612,015,116	197,066,256,250	685,411,704,802	4,663,089,976,168
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				695,859,381,897

